

QUẢN TRỊ QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HIỆN NAY

LƯƠNG THANH CƯỜNG*
ĐOÀN VĂN DŨNG**

Toàn cầu hóa, bối cảnh quốc tế hiện nay đặt ra cho nền quản trị quốc gia Việt Nam cả thời cơ, thách thức với nhiều biến động, bất định. Trước những thời cơ, thách thức đó, để nền quản trị quốc gia Việt Nam vận hành có hiệu lực, hiệu quả, đóng góp vào việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần nhiều điều kiện bảo đảm, như: một hệ thống pháp pháp luật đồng bộ, minh bạch và có tính mở; nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy cải cách và năng lực quản trị hiện đại; nguồn lực tài chính hợp lý, minh bạch và phân bổ theo kết quả, hiệu quả; hạ tầng công nghệ, dữ liệu và năng lực chuyển đổi số; sự đồng thuận chính trị, xã hội và tham gia của các bên liên quan. Bài viết tập trung nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp về quản trị quốc gia ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hiện nay¹.

Từ khóa: Quản trị quốc gia; toàn cầu hóa; bối cảnh quốc tế; phát triển đất nước; kỷ nguyên mới; Việt Nam.

Globalization and the current international context present both opportunities and challenges for national governance in Vietnam, with numerous volatile and unpredictable factors. In response to these demands, ensuring that the national governance system operates effectively and contributes positively to realizing the country's development goals in this era of national advancement requires several essential conditions. These include: a coherent, transparent, and open legal system; a high-quality workforce with a reform-oriented mindset and modern governance capacity; reasonable and transparent financial resources allocated based on performance and effectiveness; technological and data infrastructure meeting the requirements of digital transformation; as well as political and social consensus and the active participation of all stakeholders. This article examines these issues and proposes solutions to enhance the effectiveness of national governance in Vietnam in the current global context.

Keywords: National governance; globalization; international context; national development; new era; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 30/6/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 31/7/2025

NGÀY DUYỆT: 15/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.355.2025.1252>

1. Một số xu hướng của toàn cầu hóa, bối cảnh quốc tế tác động đến nền quản trị quốc gia

Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo”². Trong thời gian tới, toàn cầu

hóa diễn biến phức tạp với hợp tác và phát triển là xu thế lớn và giữ vị trí chủ đạo trong

* PGS.TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

** TS, Bộ Nội vụ

các quan hệ quốc tế; đồng thời, với cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ giữa các quốc gia và khu vực diễn ra dưới nhiều hình thức mới và gay gắt hơn. Tất cả những điều đó có ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình xây dựng và vận hành nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

(1) Xu hướng thay đổi của tình hình thế giới, khu vực đem lại cả thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức đan xen, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, nhận định: “Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức... quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường...”³.

(2) Đây là xu thế tiếp tục diễn ra trong thời gian tới với những biểu hiện đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ và đa chiều, như: Cạnh tranh chiến lược và tái cấu trúc địa chính trị toàn cầu; Toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra sâu rộng, sự chuyển đổi mô hình thương mại và đầu tư quốc tế; Sự phát triển của khoa học và công nghệ và chuyển đổi số toàn cầu; Biến đổi khí hậu, khủng hoảng môi trường và phát triển bền vững; Cải cách nền quản trị quốc gia trên toàn thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay và sắp tới, thế giới đang bước vào thời kỳ “đại chuyển động” với sự đan xen của những xu hướng phát triển mới, thách thức toàn cầu mang tính phức hợp và sự thay đổi sâu sắc trong cấu trúc quyền lực toàn cầu. Các vấn đề lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc ngày càng trở thành vấn đề có ý nghĩa sống còn và đặt ra những yêu cầu mới trong các quan hệ hợp tác quốc tế song phương, đa phương. Bối cảnh này không chỉ làm thay đổi tương quan chính trị toàn cầu mà còn dẫn đến sự điều

chỉnh trong phương thức quản trị quốc gia của nhiều nước. Để thích ứng, các quốc gia (trong đó có Việt Nam) phải nâng cao năng lực hoạch định và điều hành chính sách theo hướng độc lập, tự chủ, cân bằng, linh hoạt và chủ động thích ứng; nâng cao năng lực quản trị quốc gia để giữ vững chủ quyền, ổn định và phát triển trong môi trường địa chính trị đầy biến động. Hiện nay, có thể dự liệu ba kịch bản cơ bản tác động đến quản trị quốc gia ở Việt Nam, như sau:

Kịch bản 1: xu hướng hợp tác và tái định hình ổn định. Thế giới duy trì trật tự đa cực có kiểm soát, các thể chế toàn cầu được củng cố trở lại, cạnh tranh được điều tiết, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo. Công nghệ tiếp tục phát triển mạnh và có khung quản lý toàn cầu. Trong kịch bản này, Việt Nam có cơ hội thuận lợi để tăng năng lực hội nhập thể chế, chuyển đổi số và triển khai các chính sách phát triển quốc gia thuận lợi. Rủi ro thấp, khả năng cải cách có kiểm soát cao.

Kịch bản 2: bất định và cạnh tranh thể chế gia tăng. Trật tự quốc tế tiếp tục bị phân mảnh, chủ nghĩa dân túy, bảo hộ trở dậy, rủi ro phi truyền thống lan rộng, cạnh tranh công nghệ, thể chế gay gắt. Việt Nam chịu áp lực lớn về năng lực quản trị trong khủng hoảng; phải nâng cao năng lực dự báo, điều phối và giám sát chính sách. Nhà nước cần chuyển mạnh sang mô hình điều hành thời gian thực, xây dựng năng lực phản ứng nhanh và khả năng phối hợp hành động trong điều kiện thiếu chắc chắn.

Kịch bản 3: đứt gãy toàn cầu và khủng hoảng đa tầng. Các cực quyền lực đối đầu trực tiếp, thể chế toàn cầu bị tê liệt, xung đột mở rộng, khủng hoảng năng lượng, tài chính và môi trường diễn ra đồng thời. Trong bối cảnh này, quản trị quốc gia cần được tái cấu trúc toàn diện, chuyển từ mô hình pháp lý, quy trình sang mô hình quản trị linh hoạt, dữ liệu, điều phối. Khả năng điều hành tình huống trở thành năng lực sống còn. Việt Nam buộc phải xây dựng “bộ não thể chế” có

khả năng vận hành như một hệ thống mở, linh hoạt, tương tác đa chiều.

2. Thời cơ và thách thức của quản trị quốc gia Việt Nam

Thứ nhất, về thời cơ.

Chuyển dịch toàn cầu về mô hình quản trị: từ “nhà nước hành chính” sang “nhà nước kiến tạo và quản trị mở”. Tư duy “nhà nước kiến tạo và đồng hành”, lấy hiệu quả phát triển làm trung tâm và dựa trên sự hợp tác giữa Nhà nước, thị trường và xã hội đang trở thành một xu hướng. Việt Nam, trong tư cách một quốc gia đang phát triển có độ mở cao nên có cơ hội để tham khảo có chọn lọc các mô hình quản trị tiên tiến, trong đó lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, tăng cường phối hợp chính sách, phát triển chính phủ số và gắn chặt trách nhiệm giải trình với dữ liệu và kết quả, hiệu quả.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ đang mở ra cơ hội để Việt Nam “đột phá thể chế”, không cần tuân tự phát triển qua các mô hình truyền thống mà có thể thiết kế và vận hành một nền quản trị số ngay từ đầu. Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, kết nối vạn vật và Blockchain đang được nhiều quốc gia sử dụng để số hóa chuỗi chính sách công từ hoạch định đến giám sát. Với Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số và phát triển chính phủ số, đồng thời sở hữu dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng internet cao, năng lực thích ứng công nghệ nhanh, nước ta có những lợi thế mà ít quốc gia đang phát triển nào có được. Nếu khai thác tốt, lợi thế này thúc đẩy việc xây dựng một hệ thống quản trị có khả năng phản ứng theo thời gian thực, có năng lực cá thể hóa chính sách và có khả năng tối ưu hóa phân bổ nguồn lực dựa trên dữ liệu.

(3) Hội nhập thể chế quốc tế tạo áp lực tích cực và không gian thể chế mới cho Việt Nam. Quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng của Việt Nam - thông qua việc ký kết và thực hiện các hiệp định FTA thế hệ mới (như:

CPTPP, EVFTA, RCEP), tham gia các cơ chế đa phương (WTO, ASEAN, APEC, ASEM...) và cam kết các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đang tạo ra áp lực cải cách thể chế theo chuẩn mực quốc tế. Các cam kết về minh bạch, chống tham nhũng, bình đẳng giữa các doanh nghiệp... đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục chuẩn hóa hệ thống pháp luật để thích ứng với hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa. Đây cũng là cơ hội để giúp Việt Nam điều chỉnh hệ thống pháp luật, tiếp tục nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng cường phối hợp thực thi chính sách giữa các cấp chính quyền và hình thành các mô hình quản trị mới, như: quản trị vùng, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị đổi mới sáng tạo, quản trị đầu tư công hiệu quả.

(4) Mở rộng không gian thể chế thông qua đối tác quốc tế và chuyển giao mô hình thành công: Việt Nam đang được nhiều đối tác quốc tế coi là điểm đến ưu tiên trong các chương trình hỗ trợ cải cách thể chế, hiện đại hóa và tăng cường năng lực khu vực công. Các mô hình về quản trị tài chính công, chính phủ số, quản trị đô thị thông minh, đánh giá tác động chính sách, quản trị vùng... từ các nước thuộc OECD, EU, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản... đang được chia sẻ rộng rãi. Thông qua các chương trình hợp tác kỹ thuật, học hỏi mô hình, tiếp nhận chuyên gia, sử dụng công cụ quản trị hiện đại, Việt Nam có cơ hội xây dựng hệ thống quản trị quốc gia được thiết kế theo nguyên lý toàn cầu nhưng được “nội địa hóa” linh hoạt phù hợp với điều kiện thể chế đặc thù của quốc gia.

Thứ hai, về thách thức.

Thế giới đang bước vào thời kỳ địa chính trị bất ổn kéo dài, với xu hướng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, suy giảm lòng tin vào các thể chế đa phương và tái định hình trật tự toàn cầu theo hướng lưỡng cực mềm hoặc đa trung tâm không ổn định. Những tác động bất định của biến đổi khí hậu và khủng

hoảng môi trường, dịch bệnh đến quản trị lãnh thổ và điều hành quốc gia. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), nếu không có các biện pháp thích ứng và giảm thiểu phù hợp, ước tính biến đổi khí hậu sẽ khiến Việt Nam mất khoảng 12 - 14,5% GDP mỗi năm vào năm 2050 và có thể khiến tới một triệu người vào tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2030⁴, nhất là, từ sau đại dịch Covid-19, thế giới bước vào trạng thái “đa khủng hoảng”, như: khủng hoảng tài chính, khủng hoảng nợ công, khủng hoảng y tế cộng đồng, khủng hoảng an ninh lương thực. Những cú sốc này đang làm thay đổi cách thức vận hành chính sách ở cấp quốc gia, buộc các chính phủ phải xây dựng năng lực ứng phó linh hoạt, kiểm soát liên ngành, điều phối nhanh và dự phòng ngân sách. Các tác động bất định này dẫn đến nhu cầu nền quản trị quốc gia phải mở rộng chức năng từ quản lý phát triển sang quản trị rủi ro (khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...); đồng thời, với tái thiết không gian thể chế, từ phân vùng kinh tế đến phân bổ ngân sách và điều chỉnh quy hoạch hành chính để thích nghi. Tuy nhiên, hệ thống quản trị rủi ro tích hợp ở nước ta còn chưa đồng bộ, thiếu liên kết, kịch bản phục vụ điều hành chính sách chưa đa dạng.

Chuyển đổi số toàn cầu đang diễn ra với tốc độ vượt qua khả năng cập nhật của các thiết chế hành chính truyền thống. Trong khi các quốc gia phát triển đang bước vào giai đoạn “quản trị bằng AI”, “dịch vụ công tự động hóa”, “hạ tầng chính phủ phi tập trung hóa” thì tại Việt Nam, phần lớn chính quyền địa phương vẫn đang vận hành dịch vụ công điện tử theo mô hình “số hóa trên giấy”, thiếu nền tảng dữ liệu lớn, chưa có hệ điều hành chính sách tích hợp. Nếu không đẩy nhanh chuyển đổi số, Việt Nam sẽ rơi vào trạng thái “tụt hậu thể chế số”, tức là quốc gia có dân số kết nối cao nhưng năng lực quản trị số thấp - dẫn đến mất cơ hội thu hút đầu tư, mất năng lực điều hành tức thời và không kiểm soát được rủi ro từ công nghệ

(như deep fake, tấn công mạng, thao túng thông tin...). Khi đó, định hướng xây dựng nền quản trị quốc gia thông minh sẽ bị phá vỡ từ bên ngoài.

Toàn cầu hóa từng là động lực lớn thúc đẩy cải cách thể chế ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, trong giai đoạn gần đây, mô hình toàn cầu hóa thị trường đang gặp nhiều vấn đề, như: gia tăng bất bình đẳng toàn cầu, thất bại trong quản lý khủng hoảng, mất kiểm soát thông tin xuyên biên giới và gia tăng lệ thuộc công nghệ... Sự suy giảm niềm tin vào toàn cầu hóa khiến xu thế “nội địa hóa chính sách”, “bảo hộ chiến lược”, “ưu tiên an ninh kinh tế” của nhiều quốc gia trở nên mạnh mẽ. Điều này gia tăng áp lực cho Nhà nước trong việc giữ vững nguyên tắc mở, minh bạch và gắn kết quốc tế.

3. Điều kiện bảo đảm nền quản trị quốc gia Việt Nam thích ứng với bối cảnh mới

Một là, cần có một hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, có tính mở.

Để nền quản trị quốc gia Việt Nam thích ứng với bối cảnh toàn cầu đòi hỏi phải có khuôn khổ pháp lý thúc đẩy minh bạch, đồng kiến tạo, chia sẻ và liên kết nguồn lực và linh hoạt điều hành. Hệ thống pháp luật cần bảo đảm nguyên tắc pháp quyền hiện đại: minh bạch quá trình hoạch định và thực thi chính sách; bảo đảm trách nhiệm giải trình theo kết quả và hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ quyền, trách nhiệm, cơ chế kiểm soát giữa các cấp chính quyền; mở rộng không gian đổi mới sáng tạo, phát huy thế mạnh, đặc thù của mỗi địa phương, đi đôi với bảo đảm kiểm soát của trung ương.

Vì vậy, song song với thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính phải là cuộc cách mạng về xây dựng và thi hành pháp luật để có sự đồng bộ giữa chủ thể pháp luật và không gian pháp lý cho các chủ thể pháp luật hoạt động phù hợp với những nhu cầu, đòi hỏi của quá trình Việt Nam tiếp tục hội nhập

sâu rộng vào đời sống quốc tế, là khâu, mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Do đó, cần tiến hành tổng rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật xử lý triệt để các điểm nghẽn trong quy định của pháp luật.

Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, nhấn mạnh: cần đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển và bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Chỉ khi pháp luật (cùng với các yếu tố khác) tạo nên một nội lực đủ để tự chủ, tự lực, tự cường thì nước ta mới chủ động thích ứng và đáp ứng trước những thách thức, biến động của thế giới.

Hai là, cần có nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy cải cách, năng lực quản trị hiện đại.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một nhân tố tác động trực tiếp đến sự thích ứng của nền quản trị quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hiện nay. Một hệ thống pháp luật có tốt đến đâu song nếu không có đội ngũ cán bộ, công chức có tư duy đổi mới và thích ứng, hiểu biết, nắm vững quản trị hiện đại, kỹ năng điều hành, thực thi chính sách, pháp luật, năng lực sử dụng (cao hơn là làm chủ và sáng tạo) công nghệ, đặc biệt là tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân thì không vận hành được nền quản trị quốc gia thích ứng với bối cảnh toàn cầu hiện nay.

Cơ chế tuyển dụng công chức cần được chuyển từ tuyển dụng theo bằng cấp, thâm niên sang tuyển dụng theo phẩm chất và năng lực cá nhân, vị trí việc làm. Gắn kết, hợp nhất giữa quyền, trách nhiệm tuyển dụng,

sử dụng, đánh giá, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức và cùng với đó, là cơ chế kiểm soát việc thực thi quyền, trách nhiệm này. Phương thức tuyển dụng bảo đảm cạnh tranh thực chất, minh bạch, dựa trên năng lực các ứng viên; đồng thời, có cơ chế đặc thù để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, dân tộc ít người. Cùng với thu hút và trọng dụng nhân tài, Nhà nước và xã hội có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn nhân tài dồi dào, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước; rộng hơn, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân loại. Theo đó, tiếp tục đầu tư hệ thống đào tạo, bồi dưỡng liên tục theo hướng kết hợp giữa bồi dưỡng đạo đức công vụ, trách nhiệm quốc gia, tư duy chiến lược, năng lực thích ứng, đáp ứng, năng lực là việc trong môi trường quốc tế. Xây dựng khung năng lực quản trị quốc gia cho cán bộ các cấp, thiết lập các tiêu chuẩn năng lực chuyên biệt đối với các vị trí quản lý cấp trung, cấp cao, lãnh đạo chủ chốt.

Ba là, điều kiện về nguồn lực tài chính hợp lý, minh bạch và phân bổ theo kết quả, hiệu quả.

Trong điều kiện ngân sách công còn hạn chế, việc bảo đảm nguồn lực cần phải dựa trên cơ sở ưu tiên đúng, đầu tư trúng, phân bổ có trách nhiệm. Cần bảo đảm kinh phí riêng cho triển khai nền tảng số và dữ liệu công; đào tạo cán bộ, công chức cấp chiến lược; nghiên cứu thể chế và mô hình quản trị; xây dựng hệ thống công cụ đo lường quản trị quốc gia; triển khai các mô hình quản trị thí điểm có giám sát độc lập. Đặc biệt, chú trọng xây dựng cơ chế ngân sách linh hoạt, có thể huy động hợp tác công - tư, tài trợ quốc tế, đóng góp xã hội; đồng thời, có cơ chế công khai, giám sát việc sử dụng nguồn lực gắn với kết quả cụ thể. Một mô hình tài chính cho sự thích ứng của nền quản trị quốc gia cần đặt trọng tâm vào hiệu quả đầu ra và tính lan tỏa chính sách, không chỉ đơn thuần là giải ngân đúng tiến độ.

Bốn là, điều kiện về hạ tầng công nghệ, dữ liệu và năng lực chuyển đổi số.

Một nền quản trị quốc gia thích ứng với bối cảnh toàn cầu hiện nay không thể không có hạ tầng công nghệ và dữ liệu vững mạnh, để bảo đảm có đủ dữ liệu, thông tin phục vụ quá trình ra quyết định - thích ứng - kiểm soát sự thích ứng; trường hợp ngược lại, nền quản trị quốc gia sẽ bị động trước những thay đổi, thách thức của thế giới đặt ra. Do đó, cần xây dựng và vận hành hiệu quả các hạ tầng thiết yếu của quản trị số, bao gồm: mạng truyền dẫn an toàn, nền tảng điện toán đám mây, kho dữ liệu mở, hệ thống định danh công dân số, cơ sở dữ liệu về tổ chức công vụ, tài chính, chính sách...

Việc xây dựng dữ liệu không chỉ là kỹ thuật mà là công việc thể chế: cần quy định rõ trách nhiệm cơ quan quản lý dữ liệu, quyền tiếp cận, quyền sở hữu, quyền khai thác cũng như cơ chế chia sẻ và bảo mật. Dữ liệu phải trở thành và được quản trị với tư cách là một tài sản quốc gia chiến lược để phục vụ cho các mục tiêu, nhiệm vụ của quốc gia. Bên cạnh đó, cần đầu tư phát triển công cụ phân tích chính sách trên nền tảng dữ liệu (data-driven governance), bao gồm: AI, công cụ mô phỏng chính sách, hệ thống cảnh báo sớm, bảng điều khiển quản trị và công nghệ Blockchain phục vụ minh bạch hóa quy trình.

Năm là, bảo đảm điều kiện về sự đồng thuận chính trị, xã hội và tham gia của các bên liên quan vào quá trình thích ứng, giải quyết các thách thức, khai thác, sử dụng các thời cơ do bối cảnh toàn cầu mang lại. Sự thích ứng của nền quản trị quốc gia trước bối cảnh quốc tế là quá trình chính trị - xã hội phức tạp, không chỉ phụ thuộc vào thiết kế kỹ thuật mà còn phụ thuộc vào sự đồng thuận, ủng hộ và tương tác của các chủ thể trong hệ thống. Sự đồng thuận chính trị - xã hội, sự tham gia sâu rộng của người dân, doanh nghiệp là cơ sở để thống nhất ý chí,

quyết tâm, hành động, tạo nên sức mạnh nội lực tổng hợp để giải quyết các nhiệm vụ, vượt qua thách thức đặt ra trong quá trình phát triển đất nước.

Để có được sự đồng thuận đó, truyền thông chính sách cần sâu rộng và đi trước. Các cơ quan báo chí, truyền thông, mạng xã hội đảm đương được vai trò là cầu nối giữa Nhà nước với người dân, doanh nghiệp, tạo ra một không gian chia sẻ thông tin về hoạch định, thực thi, đánh giá chính sách, pháp luật rộng rãi, minh bạch và dân chủ giữa Nhà nước và xã hội - trên nền tảng và điểm quy tụ là lợi ích dân tộc, quốc gia, cuộc sống ấm no, hạnh phúc, sự phát triển trường tồn và phồn vinh của đất nước. Cũng trên nền tảng và điểm quy tụ này, người dân, doanh nghiệp không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm tham gia, chia sẻ với Nhà nước trong giải quyết các nhiệm vụ, đạt các mục tiêu phát triển của đất nước, trước hết, giải quyết ngay từ cơ sở theo tinh thần *“dân biết, dân bàn, dân quyết, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng”* □

Chú thích:

1. Bài viết là một phần nội dung nghiên cứu của Đề tài KX.04.05/21-25: *“Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả: cơ sở lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách”*.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 105, 206 - 207.

4. *Những điểm chính: Báo cáo Quốc gia về khí hậu và phát triển cho Việt Nam*. <https://www.worldbank.org>, ngày 01/7/2022.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.

2. Quốc hội (2022). *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022*.